

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất giấy da xuất khẩu” tại khu 6, xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ của Công ty Cổ phần Giấy Hạ Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy sản xuất giấy da xuất khẩu” tại khu 6, xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ của Công ty Cổ phần Giấy Hạ Hòa tại Báo cáo kết quả thẩm định ngày 06/01/2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy sản xuất giấy da xuất khẩu” tại khu 6, xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 06/CV-KTMT ngày 18/02/2021 của Công ty Cổ phần Giấy Hạ Hòa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 129/TTr-TNMT ngày 04/3/2021),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy sản xuất giấy da xuất khẩu” của Công ty Cổ phần Giấy Hạ Hòa (sau đây gọi là Chủ đầu tư) thực hiện tại khu 6, xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty Cổ phần Giấy Hạ Hòa có trách nhiệm:

- Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

- Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại trụ sở UBND xã Bằng Giã nơi thực hiện dự án theo quy định tại Điểm 2 Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

- Thực hiện đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường của dự án, tổ chức vận hành thử nghiệm và hoàn thiện thủ tục xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Công Thương; UBND huyện Hạ Hòa; Công ty Cổ phần Giấy Hạ Hòa và các cơ quan liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trọng Tấn

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DA XUẤT KHẨU” TẠI KHU 6, XÃ BẰNG GIÃ, HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY HẠ HÒA

(Kèm theo Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ).

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất giày da xuất khẩu.
- Địa điểm thực hiện dự án: Tại khu 6, xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.
- Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần Giày Hạ Hòa.
- Địa chỉ liên hệ: Tại khu 6, xã Bằng Giã, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.
- Người đại diện: Ông Bùi Hồng Kỳ - Chức vụ: Giám đốc.
- Phạm vi dự án: Diện tích đất thực hiện dự án là 34.137,1 m².
- Quy mô, công suất của dự án: Sản xuất giày thể thao xuất khẩu 1.200.000 - 1.500.000 sản phẩm/năm.
- Tổng vốn đầu tư của dự án: 73.668.000.000 đồng.
- Quy trình công nghệ sản xuất của dự án:
 - + Công đoạn sản xuất phần mũ giày:
Nguyên liệu → Cắt, chặt vật liệu theo thiết kế và theo mẫu → In
→ Phun keo mũ giày → Ép mũ giày → May mũ giày, dập khuy → Định
→ hình mũ giày → Là hơi, hấp mũ.
 - + Công đoạn sản xuất phần đế giày:
Đế nguyên liệu → Cắt → Bôi keo lần 1 → Gia nhiệt → Bôi keo lần 2
Ép đế giày.
 - + Công đoạn may đế vào mũ giày, hoàn thiện giày:
May đế giày vào mũ giày → Tán đinh → Sấy giày → Làm lạnh giày
→ Mài → Dán lót giày hoàn thiện → Đánh bóng giày → Đóng gói.
- Loại hình dự án: Dự án đầu tư mới.
- Các hạng mục công trình chính của dự án gồm: Nhà điều hành (2 tầng) diện tích 650 m², nhà nghỉ trưa (3 tầng) 480 m², nhà xưởng sản xuất 01 (2 tầng) diện tích

3.072 m², Nhà xưởng sản xuất 02 diện tích 3.072 m², nhà xưởng sản xuất 03 diện tích 2.160 m², nhà xưởng sản xuất 04 diện tích 2.160 m², nhà xưởng sản xuất 05 diện tích 2.133 m², nhà bếp + ăn ca diện tích 1.728 m², nhà xe nhân viên diện tích 432 m², kho chứa chất thải diện tích 240 m², nhà bảo vệ, y tế công đoàn 30 m², trạm điện 25 m², bể nước ngầm + PCCC diện tích 700 m², bể nước diện tích 200 m², diện tích còn lại là các hạng mục công trình phụ trợ và các hạng mục công trình xử lý môi trường.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Khí thải phát sinh từ công đoạn phun keo mũ giày, bôi keo đế giày, ép mũ và đế giày, sấy giày, làm lạnh giày.

- Bụi thải phát sinh từ công đoạn mài đế giày.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường gồm bao bì carton, nút xốp thải, sản phẩm lỗi, vải, chỉ, da... thừa không dính keo, miếng trang trí, goodtex, miếng lót mũ giày, đai nylon... từ quá trình cắt bán thành phẩm, bì xốp, kim may, chất thải văn phòng, bùn từ hệ thống xử lý nước thải, bụi từ hệ thống lọc bụi túi vải...

- Chất thải nguy hại gồm bóng đèn huỳnh quang hỏng, dầu máy từ quá trình bảo dưỡng máy móc thải, hộp mực in thải, hóa chất thải bỏ (keo,...), thùng đựng keo, sản phẩm hỏng dính keo...

- Chất thải sinh hoạt gồm các chất dễ phân hủy như thức ăn thừa, vỏ rau quả... và các chất khó phân hủy như vỏ lon, hộp, túi nylon, chai thủy tinh...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh phát sinh khoảng 72 m³/ngày và nước thải từ khu nhà ăn phát sinh khoảng 9 m³/ngày. Thành phần chủ yếu trong nước thải sinh hoạt gồm các chất hữu cơ, BOD, COD, các chất dinh dưỡng N, P, vi sinh vật (coliform).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Khí thải phát sinh từ công đoạn phun keo mũ giày, bôi keo đế giày, ép mũ và đế giày, sấy giày, làm lạnh giày chủ yếu là hơi hợp chất hữu cơ phát sinh khoảng 0,000335 kg/ngày.

- Bụi thải phát sinh từ công đoạn mài đế giày phát sinh khoảng 0,25 kg/ngày.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường gồm bao bì carton, mút xốp thải, sản phẩm lỗi, vải, chỉ, da,... thừa không dính keo, miếng trang trí, goodtex, miếng lót mũ giày, đai nilon,... từ quá trình cắt bán thành phẩm, bìa xốp, kim may, chất thải văn phòng, bùn từ hệ thống xử lý nước thải, bụi từ hệ thống lọc bụi túi vải,... phát sinh khoảng 3.530 kg/năm.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại gồm bóng đèn huỳnh quang hỏng, dầu máy từ quá trình bảo dưỡng máy móc thải, hộp mực in thải, hóa chất thải bỏ (keo,...), thùng đựng keo, sản phẩm hỏng dính keo, than hoạt tính đã qua sử dụng...phát sinh khoảng 651 kg/năm.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt.

Chất thải sinh hoạt gồm các chất dễ phân hủy như thức ăn thừa, vỏ rau quả... và các chất khó phân hủy như vỏ lon, hộp, túi nilon, chai thủy tinh... phát sinh khoảng 600 kg/ngày.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ được thu gom xử lý qua 13 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 7 m³/bể; nước thải phát sinh từ nhà ăn ca được thu gom qua bể tách dầu mỡ 2 ngăn thể tích 3 m³. Nước thải sinh hoạt của Công ty tiếp tục được thu gom xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 100 m³/ngày đêm. Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, mức B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Khí thải từ công đoạn sấy giày, làm lạnh giày được thu gom xử lý qua 06 hệ thống tháp hấp phụ than hoạt tính, 01 hệ thống gồm các đường ống dẫn khí nối tiếp nhau đường kính 300 mm, 01 tháp hấp phụ than hoạt tính với 02 lớp than hoạt tính dày 200 mm/lớp, 01 quạt hút công suất hút 8.000 m³/h, ống khói đường kính 300 mm.

- Khí thải từ công đoạn phun keo mũ giày, bôi keo đế giày, ép mũ và đế giày phát sinh phân tán trong nhà xưởng, Công ty sử dụng quạt thông gió và bảo hộ lao động cho công nhân.

- Bụi thải từ công đoạn mài đế giày được thu gom, xử lý qua 06 hệ thống lọc bụi túi vải, 01 thiết bị lọc bụi túi vải gồm 12 túi vải kích thước đường kính 200 mm, chiều dài 1,2 m, quạt hút công suất 7.5 KW, lưu lượng 9.000 m³/h.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom lưu giữ trong các thùng chứa rác thải, hàng ngày thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được thu gom lưu giữ trong kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích 120 m², định kỳ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại được thu gom lưu giữ trong khu chứa chất thải nguy hại diện tích 83 m², định kỳ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy.
- Trang bị các dụng cụ bảo hộ cho người lao động.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- 13 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 7 m³/bể.
- 06 hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy giày, làm lạnh giày.
- 06 hệ thống lọc bụi túi vải cho công đoạn mài đế giày.
- 01 kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 120 m².
- 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 83 m².

5. Chương trình quản lý giám sát môi trường của dự án

5.1. Giám sát chất lượng môi trường trong giai đoạn xây dựng

**** Giám sát môi trường không khí***

- Vị trí giám sát, quan trắc: 02 điểm gồm: 01 điểm tại cổng ra vào khu vực dự án, 01 điểm tại khu vực xây dựng của dự án.

- Thông số giám sát, quan trắc: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, độ rung, CO, NO₂, SO₂, TSP.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/01 lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: Quy chuẩn 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc. Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

** Giám sát chất thải rắn*

Giám sát số lượng, chủng loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động xây dựng.

5.2. Giám sát chất lượng môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

** Giám sát bụi thải*

- Vị trí giám sát, quan trắc: 06 điểm trước và 06 điểm sau hệ thống lọc bụi túi vải.

- Thông số giám sát, quan trắc: Lưu lượng, bụi tổng.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

** Giám sát khí thải*

- Vị trí giám sát, quan trắc: 06 điểm trước và 06 điểm sau hệ thống xử lý khí thải khu vực sấy giấy, làm lạnh giấy.

- Thông số giám sát, quan trắc: Lưu lượng, bụi tổng, CO, SO₂, NO₂, cyclohexan, xylen.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Quy chuẩn QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

** Giám sát chất lượng nước thải*

- Vị trí giám sát: 01 điểm trước và 01 điểm sau hệ thống xử lý tập trung của Công ty.

- Thông số giám sát, quan trắc: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, tổng photpho, amoni, coliform, sunfua, tổng nitơ.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

** Các giám sát khác*

Giám sát chất thải: Giám sát số lượng, chủng loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất.

5.3. Giám sát chất lượng môi trường trong giai đoạn vận hành thương mại

** Giám sát bụi thải*

- Vị trí giám sát, quan trắc: 06 điểm trước và 06 điểm sau hệ thống lọc bụi túi vải.

- Thông số giám sát, quan trắc: Lưu lượng, bụi tổng.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

** Giám sát khí thải*

- Vị trí giám sát, quan trắc: 06 điểm trước và 06 điểm sau hệ thống xử lý khí thải khu vực sấy giấy, làm lạnh giấy.

- Thông số giám sát, quan trắc: Lưu lượng, bụi tổng, CO, SO₂, NO₂, cyclohexan, xylen.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Quy chuẩn QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

** Giám sát chất lượng nước thải*

- Vị trí giám sát: 01 điểm trước và 01 điểm sau hệ thống xử lý tập trung của Công ty.

- Thông số giám sát, quan trắc: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, tổng photpho, amoni, coliform, sunfua, tổng nitơ.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

** Các giám sát khác*

Giám sát chất thải: Giám sát số lượng, chủng loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất.